

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**VỀ LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN BỔ SUNG - HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
*(Áp dụng đối với sinh viên đại học chính quy, học viên cao học vắng thi có phép theo quy định)*

**1. Thời gian thi:**

Ca 1: 8h, Ca 2: 10h, Ca 3: 13h30, Ca 4: 15h30, Ca 5: 17h30.

**2. Một số lưu ý:**

- Căn cứ lịch thi kết thúc học phần, các khoa phân công giảng viên ra đề thi, coi thi, chấm thi.
- Khoa/ Bộ môn, Cố vấn học tập, Chủ nhiệm lớp có trách nhiệm thông báo lịch thi tới sinh viên
- Trước khi thi 03 ngày làm việc, sinh viên xem phòng thi, danh sách thi trên website Trường và cổng thông tin sinh viên.

**3. Lịch thi :**

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                       | Lớp  | Số TC | Hình thức thi     | Phòng thi | Ngày thi   | Ca thi |
|-----|-------------|----------------------------------------------------|------|-------|-------------------|-----------|------------|--------|
| 1   | QĐKQ207     | Quản lý tài nguyên đất tổng hợp                    | CH10 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.610     | 17/01/2026 | Ca 1   |
| 2   | QĐKQ209     | Tiếng Anh chuyên ngành                             | CH11 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.610     | 17/01/2026 | Ca 1   |
| 3   | QĐKQ210     | Kinh tế đất ứng dụng                               | CH10 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.610     | 17/01/2026 | Ca 2   |
| 4   | QĐKQ211     | Đánh giá đất nâng cao                              | CH11 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.610     | 17/01/2026 | Ca 2   |
| 5   | QĐQB206     | Quản lý và kinh doanh bất động sản                 | CH10 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.610     | 17/01/2026 | Ca 3   |
| 6   | TBTĐ206     | Định vị và dẫn đường hiện đại                      | CH10 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.610     | 17/01/2026 | Ca 3   |
| 7   | TBTĐ205     | Các phương pháp trắc địa không gian                | CH10 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.610     | 17/01/2026 | Ca 4   |
| 8   | QĐQB207     | Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai | CH10 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.610     | 17/01/2026 | Ca 4   |

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                                      | Lớp  | Số TC | Hình thức thi     | Phòng thi      | Ngày thi   | Ca thi |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------|------|-------|-------------------|----------------|------------|--------|
| 9   | CTKU102     | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                                    | ĐH14 | 3     | Bài tập lớn       | A.402          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 10  | KTKD128     | Quản trị rủi ro                                                   | ĐH12 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.403          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 11  | KTKD109     | Quản trị nguồn nhân lực                                           | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.403          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 12  | KTKD106     | Thương mại điện tử                                                | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.403          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 13  | NNTA121     | Đọc-Viết 3                                                        | ĐH14 | 4     | Tự Luận (90 phút) | A.403          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 14  | QĐQB105     | Giao đất và thu hồi đất                                           | ĐH12 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.404          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 15  | KTDL119     | Văn hóa ẩm thực                                                   | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.404          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 16  | KTKE115     | Đạo đức nghề nghiệp                                               | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.404          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 17  | KĐVL105     | Vật lý ứng dụng                                                   | ĐH14 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.404          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 18  | KTKE123     | Hệ thống thông tin kế toán                                        | ĐH12 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.405          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 19  | BKPB124     | Sinh kế bền vững                                                  | ĐH12 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.405          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 20  | KTKH122     | Vận tải đa phương tiện                                            | ĐH12 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.405          | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 21  | ALT2        | Giáo dục thể chất 3 - Điền kinh 2                                 | ĐH14 | 1     | Thực hành         | Sân trường CS1 | 19/01/2026 | Ca 2   |
| 22  | BKPB123     | Bể chứa các-bon và thị trường các-bon                             | ĐH12 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.401          | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 23  | MTĐQ188     | Ứng dụng thống kê trong kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.401          | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 24  | LCPL111     | Luật Hình sự 1                                                    | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.401          | 19/01/2026 | Ca 4   |

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                   | Lớp  | Số TC | Hình thức thi     | Phòng thi | Ngày thi   | Ca thi |
|-----|-------------|------------------------------------------------|------|-------|-------------------|-----------|------------|--------|
| 25  | KTKT109     | Thanh toán quốc tế                             | ĐH12 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 26  | BKPB115     | Các công ước quốc tế về biến đổi khí hậu       | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 27  | KTKT112     | Kiểm toán tài chính                            | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 28  | CTKM136     | Kiến trúc máy tính                             | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 29  | KTPT105     | Quản trị Marketing                             | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.403     | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 30  | LCPL115     | Luật Dân sự 2                                  | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.403     | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 31  | LCLS101     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                 | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.403     | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 32  | TBTĐ145     | Hệ quy chiếu và hệ tọa độ trắc địa             | ĐH14 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.403     | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 33  | ĐCQT104     | Tinh thể - Khoáng vật học đại cương - Thực tập | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.403     | 19/01/2026 | Ca 4   |
| 34  | BKPB127     | Truyền thông về biến đổi khí hậu               | ĐH12 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 20/01/2026 | Ca 2   |
| 35  | QĐQB126     | Marketing bất động sản                         | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 20/01/2026 | Ca 2   |
| 36  | TBBV103     | Hệ thống thông tin địa lý                      | ĐH14 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 20/01/2026 | Ca 2   |
| 37  | QĐKQ116     | Phong thủy trong bất động sản                  | ĐH14 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 20/01/2026 | Ca 2   |
| 38  | KTPT104     | Nghiên cứu marketing                           | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.403     | 20/01/2026 | Ca 2   |
| 39  | QĐQB167     | Quản lý nhà nước về đất đai                    | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.403     | 20/01/2026 | Ca 2   |
| 40  | CTKM111     | Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin     | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.403     | 20/01/2026 | Ca 2   |

| STT | Mã học phần | Tên học phần                    | Lớp  | Số TC | Hình thức thi     | Phòng thi | Ngày thi   | Ca thi |
|-----|-------------|---------------------------------|------|-------|-------------------|-----------|------------|--------|
| 41  | BKPB130     | Kỹ năng nghề nghiệp             | ĐH12 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.401     | 20/01/2026 | Ca 4   |
| 42  | KTPT116     | Truyền thông Marketing tích hợp | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.401     | 20/01/2026 | Ca 4   |
| 43  | CTKU135     | Cơ sở dữ liệu                   | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.401     | 20/01/2026 | Ca 4   |
| 44  | KTKE114     | Kế toán quản trị 2              | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 20/01/2026 | Ca 4   |
| 45  | TBBV125     | Cơ sở viễn thám                 | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 20/01/2026 | Ca 4   |
| 46  | LCPL103     | Luật học so sánh                | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 20/01/2026 | Ca 4   |
| 47  | NNTA150     | Tiếng anh chuyên ngành          | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 20/01/2026 | Ca 4   |
| 48  | MTCM118     | Kỹ thuật xử lý nước cấp         | HKP1 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 1   |
| 49  | KĐTO104     | Toán cao cấp                    | HKP1 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 1   |
| 50  | MTQM120     | Hệ thống quản lý môi trường     | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 2   |
| 51  | KTPT110     | Kỹ năng phát triển nghề nghiệp  | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 2   |
| 52  | LCTT101     | Tư tưởng Hồ Chí Minh            | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 2   |
| 53  | MTKA183     | Dinh dưỡng học                  | ĐH14 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 2   |
| 54  | KTKH117     | E - Logistic                    | ĐH12 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.403     | 21/01/2026 | Ca 2   |
| 55  | QĐKQ107     | Quy hoạch sử dụng đất           | ĐH12 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.403     | 21/01/2026 | Ca 2   |
| 56  | MTQM121     | Kiểm toán môi trường            | ĐH13 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.403     | 21/01/2026 | Ca 2   |

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                  | Lớp  | Số TC | Hình thức thi     | Phòng thi | Ngày thi   | Ca thi |
|-----|-------------|-----------------------------------------------|------|-------|-------------------|-----------|------------|--------|
| 57  | LCML103     | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | ĐH14 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.403     | 21/01/2026 | Ca 2   |
| 58  | MTKA180     | Hóa sinh học thực phẩm                        | ĐH14 | 2     | Thực hành         | C.501     | 21/01/2026 | Ca 2   |
| 59  | TBTĐ152     | Địa chính đại cương                           | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.401     | 21/01/2026 | Ca 3   |
| 60  | MTCM107     | Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường   | HKP1 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.401     | 21/01/2026 | Ca 3   |
| 61  | QĐQB104     | Chính sách đất đai                            | HKP1 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 3   |
| 62  | NNTA103     | Tiếng Anh 3                                   | HKP1 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 3   |
| 63  | LCPL109     | Luật Hành chính                               | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.401     | 21/01/2026 | Ca 4   |
| 64  | TBTĐ146     | Lý thuyết sai số                              | ĐH14 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.401     | 21/01/2026 | Ca 4   |
| 65  | MTQT153     | Quản lý tài nguyên môi trường                 | ĐH14 | 2     | Tự Luận (60 phút) | A.401     | 21/01/2026 | Ca 4   |
| 66  | LCPL122     | Luật Lao động                                 | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 4   |
| 67  | TNTM103     | Quản lý tổng hợp tài nguyên nước đại cương    | ĐH13 | 3     | Tự Luận (90 phút) | A.402     | 21/01/2026 | Ca 4   |
| 68  | MTĐQ181     | Các phương pháp xử lý mẫu phân tích thực phẩm | HKP1 | 3     | Thực hành         | C.501     | 21/01/2026 | Ca 4   |

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Phó Hiệu trưởng Vũ Danh Tuyên (để báo cáo);
- Trưởng các đơn vị thuộc Trường;
- Công thông tin sinh viên;
- Lưu VT, ĐT.VA (2).

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**Lưu Văn Huyền**